TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỐC OAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70 /2022/HSST
Ngày 15 - 11 - 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỐC OAI – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*:** Ông Kiều Văn Thành.

*- **Các hội thẩm nhân dân*:** Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Hoa.

***- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Huyền Lê - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Quốc Oai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 75 /2022/HSST ngày 17 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

1- **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1975; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Quốc Tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5 /12; Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1932; Con bà: Nguyễn Thị X, sinh năm: 1933 (đã chết). Vợ: Phạm Thị X, sinh năm 1976 (là bị cáo trong cùng vụ án), Có 2 con lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 1999; Danh chỉ bản số: 213 do Công an huyện Q lập ngày 19/ 8 /2022; Tiền án;Tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2- Phạm Thị X, sinh năm 1976; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Quốc Tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông: Phạm Văn C, sinh năm 1955; Con bà: Vũ Thị L, sinh năm 1956; Chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 (là bị cáo trong cùng vụ án); Có 2 con lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 1999; Danh chỉ bản số: 212 do Công an huyện Q lập ngày 19/ 8 /2022; Tiền án; Tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngợi có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số nhà , phố T, phường N, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Anh Đ Văng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị hại: Chị Nguyễn Thị Lê G, sinh năm 1984. Theo giấy ủy quyền ngày 04/8/2022. Địa chỉ: Số nhà 299/8, phố T, phường N, quận Đ, Thành phố Hà Nội - Chị G xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2010 gia đình Nguyễn Văn T và vợ là Phạm Thị X, có nhu cầu vay vốn Ngân hàng Thương mại cổ phần kỹ T Việt Nam để làm ăn nên đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số: 704.2, tờ bản đồ số 1 thuộc TDP N, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội diện tích đất là 172 m^2 , trên đất có 01 nhà bê tông 01 tầng, diện tích 100 m^2; 01 nhà cấp 4 diện tích 20,5m^2 để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số: 40674/HDTD/TH-TN/TCB-HQV-TDH ngày 31/12/2010 và bị cáo T, X được Ngân hàng TMCP Kỹ T Việt Nam cho vay số tiền 820.000.000 đồng, có Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 40674 ngày 06/01/2011 thời hạn là 180 tháng, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là 06/01/2026. Qúa trình thực hiện hợp đồng do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng bị cáo T, X không có khả năng trả nợ ngân hàng nên tổng số tiền T còn nợ ngân hàng tính đến ngày 26/12/2014 là 1.129.406.352 đồng gồm nợ tiền gốc là 738.010.000 đồng, nợ tiền lãi là 391.396.352 đồng. Do bị cáo T, X vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng TMCP Kỹ T Việt Nam đã làm đơn khởi kiện vợ chồng T đến Tòa án nhân dân huyện Q. Ngày 28/01/2015, Tòa án nhân dân huyện Q có Quyết định số 05/2015/QĐST–DS công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa bị cáo T, X và Ngân hàng TMCP Kỹ T Việt Nam, Quyết định ghi rõ trong trường hợp ông T và bà X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khoản vay thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã thế chấp. Do bị cáo T và X không thực hiện theo thỏa thuận, nên ngày 03/7/2019, Chi cục thi hành án dân sự huyện Q có Quyết định số 72/QĐ-CCTHADS về việc "*Cưỡng chế, kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất*", đã giao quyết định này cho bị cáo T. Đến ngày 25/7/2019, Chi cục thi hành án dân sự huyện Q có thông báo số 1332A/TB-CCTHADS về việc cưỡng chế thi hành án, văn bản trên đã được giao bị cáo T. Ngày 13/9/2019, Chi cục thi hành án dân sự huyện Q có thông báo số 1485/TB-THADS về việc tổ chức bán đấu giá thửa đất số 704.2, tờ bản đồ số 1 thuộc Tổ dân phố N, Thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội và anh Nguyễn Anh Đ là người đã mua trúng đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất trên với giá là 432.848.234 đồng. Ngày 12/3/2020, Chi cục thi hành án dân sự huyện Q đã có Quyết định số 37/QĐ-CCTHSDS về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và Quyết định số 38/QĐ-CCTHADS ngày 12/3/2020, về việc giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá cho anh Nguyễn Anh Đ. Do bị cáo T và X không chấp hành việc bàn giao tài sản nên ngày 16/6/2020, Chi cục thi hành án dân sự huyện Q đã tổ chức cưỡng chế thửa đất và tài sản gắn liền với đất của bị cáo T, X để

bàn giao cho chị Nguyễn Thị Lê G là người được anh Đ ủy quyền nhận bàn giao nhà đất. Tại buổi cưỡng chế bị cáo T và X không có mặt, Chi cục thi hành án huyện Q đã tổ chức cưỡng chế và niêm phong tài sản trong nhà của bị cáo T và X đưa về Chi cục thi hành án dân sự huyện Q bảo quản theo đúng quy định pháp luật và đã bàn giao nhà, đất cho chị Nguyễn Thị Lê G, đến tối cùng ngày chị G khóa cửa nhà ra về. Cùng ngày Chi cục thi hành án dân sự huyện Q có thông báo số 680/TB-THADS cho vợ chồng T, X đến nhận lại T bộ số tài sản bị niêm phong và 36.000.000 đồng tiền hỗ trợ thuê nhà theo quy định, T đã nhận thông báo nhưng T chỉ đến nhận số tài sản bị niêm phong, còn số tiền hỗ trợ thuê nhà T không nhận. Ngày 19/6/2020 chị G cùng anh H, anh B, chị N đi xe ô tô nhãn hiệu Mercedes BKS 29A-287.63 quay lại thửa đất thì gặp 03 người đàn ông tự nhận là người nhà của T, X, tại đây hai bên có to tiếng với nhau. Sau đó chị G, anh Hòa, anh Bình, chị N khóa cổng đi ra ngoài, khoảng 10 phút sau quay lại chị G thấy khóa cổng đã bị thay bằng khóa khác nên chị G không vào được nhà nữa, đồng thời tố cáo bị mất tài sản là 01 balo màu đen bên trong có 150.000.000 đồng, 01 điện thoại di động Oppo và 01 điện thoại Iphone 8 cùng giấy tờ cá nhân để ở trong nhà trên thửa đất đấu giá trúng. Do không vào được nhà nên chị G cùng anh Hòa, anh Bình, chị N ra về. Bị cáo T và X sau khi bị cưỡng chế đã chuyển đến ở tại nhà em gái là Phạm Thị M (SN 1980; HKTT: Tổ dân phố N, Thị trấn Q, Q, TP Hà Nội), đến ngày 20/6/2020 bị cáo T, X đã mang đồ đạc và quay lại sinh sống tại ngôi nhà cũ (nay đã thuộc quyền sở hữu của anh Đ). Đến ngày 22/6/2020 chị G đi một mình quay lại thửa đất trúng đấu giá để lấy lại số tài sản báo mất nêu trên tuy nhiên cửa cổng vẫn khóa nên chị G không vào được nhà. Tại Cơ quan điều tra T và X đã thành khẩn khai nhận dù biết thửa đất số 704,2 tờ bản đồ số 1 thuộc Tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện Q, Hà Nội đã được giao cho anh Đ nhưng T và X vẫn tự ý mang đồ đạc vào trong nhà và tiếp tục sinh sống mà không được sự đồng ý của anh Đ và chị G (người được anh Đ ủy quyền). Lời khai của T và X là phù hợp với tài liệu điều tra đã thu thập được.

Ngày 06/8/2022, bị cáo T và X đã tự nguyện chuyển đồ đạc và rời khỏi thửa đất trên và chị Nguyễn Thị Lê G đã nhận lại thửa đất và tài sản gắn liền với đất, không có thiệt hại gì về tài sản.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 bộ tài liệu (bản sao y) liên quan hồ sơ trúng thầu của anh Nguyễn Anh Đ đối với thửa đất số 704.2, tờ bản đồ số 1, diện tích 172 mét vuông thuộc Tổ dân phố N, Thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội do Chi cục THADS huyện Q cung cấp (lưu tại hồ sơ vụ việc).

+ 01 USB lưu trữ dữ liệu video quay hình ảnh trong quá trình xác minh hiện trạng thửa đất số 704.2, tờ bản đồ số 1, diện tích 172m^2 và tình trạng cư trú của anh Nguyễn Văn T, chị Phạm Thị X ngày 21/7/2022 (lưu tại hồ sơ vụ việc).

*Về trách nhiệm Dân sự:*Chị Nguyễn Thị Lê G không có đề nghị gì về phần dân sự nên Cơ quan CSĐT không đề cập.

Tại bản cáo trạng số: 66/CT-VKSQO ngày 11/10/2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Thị X về tội Xâm phạm chỗ ở của người khác theo điểm c khoản 1, Điều 158 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Thị X về tội Xâm phạm chỗ ở của người khác theo điểm c khoản 1, Điều 158 Bộ luật hình sự.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 158; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T từ tháng 06 đến 09 tháng tù.nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 158; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Phạm Thị X từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng: Hiện lưu tại hồ sơ vụ án.

Về án phí, quyền kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q;

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án: Bị cáo T và X rất ân hận cho hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng: Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

Về hành vi của bị cáo thì thấy: Năm 2010, Nguyễn Văn T và vợ là Phạm Thị X làm thủ tục vay của Ngân hàng TMCP Kỹ T Việt Nam để vay số tiền là 820.000.000 đồng và thế chấp thửa đất (diện tích là 172 m^2, trên đất có 01 nhà bê tông 01 tầng, diện tích 100 m^2; 01 nhà cấp 4 diện tích 20,5m^2) số 704.2, tờ bản đồ số 1 thuộc Tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội mang tên Nguyễn Văn T. Do không trả nợ theo cam kết, nên Chi Cục thi hành án huyện Q đã tiến hành các bước kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp trên, người trúng đấu giá là anh Nguyễn Anh Đ ở 299/8 Phố T, Phường N, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Ngày 16/6/2020 Chi cục thi hành án dân sự huyện Q đã tổ chức cưỡng chế thửa đất và nhà ở gắn liền với đất của vợ chồng T, X để bàn giao cho

chị Nguyễn Thị Lê G là người được anh Đ ủy quyền nhận bàn giao nhà đất, sau khi nhận nhà, chị G đã khóa cửa nhà rồi về. Ngày 19/6/2020 chị G cùng một số người đến thấy đã thay khóa và trong nhà có Nguyễn Văn T và vợ là Phạm Thị X đã chiếm giữ T 01 nhà bê tông 01 tầng, diện tích 100 m^2; 01 nhà cấp 4 diện tích 20,5m^2 trên diện tích là 172 m^2 tại thửa số 704.2, tờ bản đồ số 1 thuộc Tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội của anh Nguyễn Anh Đ đến ngày 06/8/2022, T và X rời khỏi ngôi nhà trên. Hiện nhà và đất nêu trên đã được bàn giao trả chị G.

Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Thị X đã phạm tội: Xâm phạm chỗ ở của người khác theo quy định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 158 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số: 66/CT-VKS QO ngày 11/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai truy tố đối với bị cáo là đúng ng-ời, đúng tội và không oan.

Đây là vụ án xâm phạm đến quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị hại đối với chỗ ở của anh Nguyễn Anh Đ.

Vụ án có tính chất đồng phạm đơn giản, khi quyết định hình phạt cần xem xét tính tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vai trò của từng bị cáo để có một hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về vai trò của từng bị cáo thì thấy: Nguyễn Văn T và Phạm Thị X là hai vợ chồng do quá trình vay nợ của ngân hàng, do không trả được nợ Ngân hàng TMCP Kỹ T Việt Nam khởi kiện bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực, cơ quan thi hành án dân sự huyện Q đã kê biên bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật, bị cáo T và X không tự bàn giao tài sản, cơ quan thi hành án đã cưỡng chế bàn giao tài sản nhà và đất ở cho chị Nguyễn Thị Lê G là người đại diện cho anh Nguyễn Anh Đ quản lý, khi chị G không có ở nhà thì bị cáo T và X đã tự mở khóa, thay khóa mới vào ở trong nhà của anh Đ, xét vai trò chính trong vụ án là bị cáo T, bị cáo X có vai trò thấp hơn trong nên cần có hình phạt tương xưng với từng bị cáo.

Tuy nhiên khi lượng hình hội đồng xét xử xét thấy: Nhân thân các bị cáo không có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thược trường hợp ít nghiêm trọng, hai bị cáo có quan hệ vợ chồng, người đại diện cho người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo, để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo một phần hình phạt theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo X phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng điểm i, s khoản 1

khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có chức vụ gì nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Quá trình bắt giữ cơ quan công an huyện Q thu giữ tài liệu liên quan đến đấu giá đất, 01 USB để lưu trong hồ sơ nên không đề cập xử lý:

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Từ nhưng căn cứ nhận định trên Hội đồng xét xử

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Thị X phạm tội: Xâm phạm chỗ ở của người khác.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 158 Bộ luật hình sự; Điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Tr- ờng hợp ng- ời đ- ợc h- ởng án treo thay đổi nơi c- trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 158 Bộ luật hình sự; Điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Thị X 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo X tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội nơi bị cáo cư trú nhận đ- ợc quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Bị cáo X là lao động tự do, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, công việc, thu nhập không ổn định nên miễn áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo X cho Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo T và X mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên

án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

-TAND TP. Hà Nội;
- Công an huyện Quốc Oai;
-VKSND huyện Quốc Oai;
- Chi cục THADS huyện Quốc Oai;
- Sở tư pháp TP.Hà Nội
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Kiều Văn Thành